

DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH DỰ THI - VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số...**39**.../TB-HĐTD ngày ..**23**..9/2024 của HĐTD viên chức quận Hoàng Mai)

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	01	1	VC0549	Phạm Thị Luyến	01/10/1990	Nữ	Ninh Bình	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Phương pháp Toán sơ cấp	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	2	VC0550	Trịnh Thị Luyến	06/11/1989	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt	CTB	
3	01	3	VC0551	Hoàng Thị Lưu Ly	18/11/2002	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	01	4	VC0552	Lê Hải Ly	16/9/2000	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	01	5	VC0553	Mai Thị Hương Ly	17/10/2000	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		
3	01	6	VC0554	Trần Thị Hương Ly	10/01/1989	Nữ	Thái Nguyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	01	7	VC0555	Đặng Thị Mai	14/8/1993	Nữ	Phượng Mai, Đống Đa	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		
3	01	8	VC0556	Lê Thị Mai	05/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	01	9	VC0557	Nguyễn Thị Thanh Mai	05/12/2002	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	10	VC0558	Nguyễn Thị Thu Mai	25/12/2002	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		
3	01	11	VC0559	Nguyễn Thị Mão	15/6/1987	Nữ	Yên Bài, Ba Vì	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm	DTTS	
3	01	12	VC0560	Nguyễn Thị Mận	22/11/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	01	13	VC0561	Trần Thị Mận	14/6/1989	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	01	14	VC0562	Nguyễn Hồng Minh	07/12/2000	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	15	VC0563	Nguyễn Thị Nhật Minh	16/4/1997	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	16	VC0564	Nguyễn Văn Minh	20/8/2000	Nam	Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	17	VC0565	Vũ Đức Minh	27/10/2000	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Mai Động		
3	01	18	VC0566	Nguyễn Huyền My	20/6/1998	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	19	VC0567	Nguyễn Thị Nga My	23/4/2001	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		
3	01	20	VC0568	Nguyễn Trà My	09/7/2002	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	01	21	VC0569	Vũ Lê Hà My	01/11/2002	Nữ	Kim Mã, Ba Đình	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Định		
3	01	22	VC0570	Vũ Thị Na	12/3/1988	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	1	VC0571	Nguyễn Phương Nam	15/11/1996	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	2	VC0572	Nguyễn Vân Nam	25/8/1991	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	3	VC0573	Dương Ngọc Ninh	18/6/1998	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	4	VC0574	Đỗ Thị Thúy Nga	05/01/1987	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán giải tích	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	5	VC0575	Nguyễn Thanh Nga	20/8/2002	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	6	VC0576	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	7	VC0577	Nguyễn Thị Nga	05/11/1990	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm	Ths	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Linh Đàm		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	02	8	VC0578	Nguyễn Thị Nga	12/10/1998	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	9	VC0579	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	10	VC0580	Trương Hồng Ngát	29/8/1996	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		
3	02	11	VC0581	Đình Kim Ngân	29/10/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	12	VC0582	Nguyễn Kim Ngân	25/5/1994	Nữ	Phượng Liệt, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	13	VC0583	Nguyễn Thanh Ngân	12/02/1998	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Định		
3	02	14	VC0584	Chu Hồng Bảo Ngọc	06/10/1995	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	15	VC0585	Lê Thúy Ngọc	02/7/2000	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	16	VC0586	Nguyễn Bích Ngọc	11/11/2001	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	17	VC0587	Nguyễn Thị Ngọc	27/11/1999	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Lĩnh Nam		
3	02	18	VC0588	Nguyễn Thị Ngọc	03/8/1995	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	19	VC0589	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/3/1996	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	20	VC0590	Trương Minh Ngọc	12/6/1996	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		
3	02	21	VC0591	Trương Thị Ngọc	01/02/1993	Nữ	Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt	CTB	
3	02	22	VC0592	Vũ Bảo Ngọc	24/7/2000	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	23	VC0593	Vũ Hồng Ngọc	23/3/2000	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	02	24	VC0594	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	21/10/2002	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	25	VC0595	Phạm Hạnh Nguyên	11/01/1992	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	26	VC0596	Vũ Hạnh Nguyên	14/7/2001	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		
3	02	27	VC0597	Lê Thị Nguyệt	17/4/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	28	VC0598	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		
3	02	29	VC0599	Vũ Thị Phương Nhài	05/7/1992	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	30	VC0600	Nguyễn Thị Nhật	30/3/2002	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		
3	02	31	VC0601	Đôn Yến Nhi	29/10/1996	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	32	VC0602	Trần Hà Nhi	25/10/1996	Nữ	Văn Diễn, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	33	VC0603	Nguyễn Thị Nhó	10/6/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Định	CTB	
3	02	34	VC0604	Nguyễn Thị Nhuệ	16/02/1989	Nữ	Quang Lăng, Phú Xuyên	ĐH, Ths	Sư phạm Toán; Toán giải tích	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	02	35	VC0605	Chữ Thị Trang Nhung	04/7/2001	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	02	36	VC0606	Lã Cẩm Nhung	15/11/1997	Nữ	Văn Diễn, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	02	37	VC0607	Lê Thị Nhung	07/9/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	02	38	VC0608	Nguyễn Hồng Nhung	17/11/1993	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	1	VC0609	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	18/11/2001	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	03	2	VC0610	Thái Thị Khánh Nhung	06/10/1998	Nữ	Nghệ An	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	3	VC0611	Trương Thị Tuyết Nhung	10/12/2001	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	4	VC0612	Vũ Thị Huyền Nhung	29/3/1995	Nữ	Vạn Diễm, Thường Tín	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		
3	03	5	VC0613	Hoàng Kim Oanh	02/6/2001	Nữ	Quảng Ninh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	6	VC0614	Nguyễn Thị Oanh	01/3/1998	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	03	7	VC0615	Đỗ Hà Phương	28/10/2000	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	8	VC0616	Lê Ánh Phương	28/02/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	9	VC0617	Mai Thị Phương	24/9/1993	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		
3	03	10	VC0618	Nguyễn Minh Phương	17/01/2001	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	11	VC0619	Nguyễn Thị Phương	22/11/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	12	VC0620	Nguyễn Thị Phương	10/9/1991	Nữ	Văn Hoàng, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	13	VC0621	Nguyễn Thị Bích Phương	19/10/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	14	VC0622	Nguyễn Thị Hà Phương	14/4/1994	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	15	VC0623	Nguyễn Thu Phương	16/11/1994	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	16	VC0624	Trần Thị Phương	20/12/1990	Nữ	Thái Bình	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	17	VC0625	Vũ Minh Phương	9/12/1996	Nữ	Trí Trung, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	03	18	VC0626	Vũ Minh Phương	12/10/2002	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Mai		
3	03	19	VC0627	Đào Thị Mai Phương	25/7/1996	Nữ	Phủ Cường, Sóc Sơn	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán giải tích	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	20	VC0628	Dương Thu Quỳnh	28/11/2002	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	03	21	VC0629	Hoàng Phương Quỳnh	12/9/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	Ths	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	03	22	VC0630	Nguyễn Hương Quỳnh	14/3/1999	Nữ	Bắc Giang	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	03	23	VC0631	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	26/8/1991	Nữ	Tào Dương Văn, Ứng Hoà	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	03	24	VC0632	Vương Thu Quỳnh	20/12/1988	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	03	25	VC0633	Nguyễn Trịnh Tam	01/4/2002	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	03	26	VC0634	Hà Thị Tâm	16/9/1992	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	03	27	VC0635	Nguyễn Thị Minh Tâm	11/5/1997	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Lĩnh Nam		
3	03	28	VC0636	Quách Minh Tâm	15/01/1994	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Định		
3	03	29	VC0637	Đàm Mạnh Tiến	08/5/1995	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		
3	03	30	VC0638	Đỗ Viết Tiến	23/11/1999	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	03	31	VC0639	Ngô Thị Tình	08/5/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		
3	03	32	VC0640	Lại Văn Tôn	11/4/1994	Nam	Tri Thủy, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	03	33	VC0641	Nguyễn Anh Tú	02/01/1994	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	03	34	VC0642	Đặng Hoàng Tuấn	16/12/1996	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		
3	03	35	VC0643	Nguyễn Văn Tuấn	05/12/1997	Nam	Thanh Thùy, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	36	VC0644	Nguyễn Thanh Tùng	21/9/1996	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	03	37	VC0645	Cao Thị Thanh Tuyền	13/01/1996	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	03	38	VC0646	Bùi Thị Kim Tuyền	21/10/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	04	1	VC0647	Đoàn Thị Thanh	15/01/1995	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Đại số và lý thuyết số Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	04	2	VC0648	Nguyễn Kim Thanh	01/7/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	04	3	VC0649	Nguyễn Thị Thanh	26/8/1999	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	04	4	VC0650	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Nữ	Ninh Bình	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	5	VC0651	Nguyễn Thị Thanh Thanh	18/12/2000	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	04	6	VC0652	Tăng Ngọc Thanh	22/7/2001	Nữ	Hàng Bồ, Hoàn Kiếm	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	04	7	VC0653	Vũ Thị Phương Thanh	04/5/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	04	8	VC0654	Nguyễn Văn Thành	31/5/1994	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	04	9	VC0655	Đặng Thị Phương Thảo	29/9/1995	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Mai Động		
3	04	10	VC0656	Đỗ Thị Phương Thảo	08/3/1992	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	11	VC0657	Lê Thị Phương Thảo	24/8/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	04	12	VC0658	Nguyễn Phương Thảo	09/11/1998	Nữ	Hoàng Liet, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thanh Trì		
3	04	13	VC0659	Nguyễn Thị Hương Thảo	22/3/1992	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		
3	04	14	VC0660	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/7/1997	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	15	VC0661	Nguyễn Thu Thảo	10/8/1998	Nữ	Hưng Yên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	04	16	VC0662	Tạ Phương Thảo	13/7/1999	Nữ	Thanh Liet, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	17	VC0663	Trần Thị Phương Thảo	26/6/1995	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	04	18	VC0664	Võ Phương Thảo	05/10/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	19	VC0665	Đào Thị Hồng Thắm	27/3/1996	Nữ	Văn Bình, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	20	VC0666	Quách Đức Thắng	23/11/1990	Nam	Triều Khúc, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	21	VC0667	Trần Tùng Thiện	20/01/2000	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	22	VC0668	Vũ Thị Thoa	20/7/1989	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	Toán + CCSP	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	04	23	VC0669	Nguyễn Thị Thơ	17/5/1987	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	04	24	VC0670	Đặng Thị Thu	16/3/1993	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liet		
3	04	25	VC0671	Nguyễn Hoài Thu	21/6/1998	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	Ths	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Hoàng Liet		MNN
3	05	1	VC0672	Nguyễn Minh Thu	05/10/1999	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	05	2	VC0673	Nguyễn Thị Phương Thu	03/10/2002	Nữ	Hưng Yên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	05	3	VC0674	Phạm Thị Phương Thu	14/12/1998	Nữ	Văn Tự, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	4	VC0675	Trần Hoài Thu	20/7/2002	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		
3	05	5	VC0676	Bùi Thị Thanh Thùy	04/7/1985	Nữ	Phùng, Đan Phượng	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		
3	05	6	VC0677	Lê Thị Thùy	14/9/1999	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	05	7	VC0678	Đoàn Thu Thùy	23/4/1995	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	05	8	VC0679	Trần Thị Thùy	05/01/2001	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	9	VC0680	Đỗ Thị Thanh Thúy	03/01/1994	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	10	VC0681	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	24/11/1994	Nữ	Nghệ An	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	11	VC0682	Nguyễn Thu Thúy	15/12/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	05	12	VC0683	Đào Anh Thư	27/01/2001	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	13	VC0684	Lê Anh Thư	13/10/1993	Nữ	Phúc La, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	05	14	VC0685	Nguyễn Thu Trà	05/11/1997	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		
3	05	15	VC0686	Bùi Quỳnh Trang	27/9/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	16	VC0687	Dương Thu Trang	23/8/2002	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	05	17	VC0688	Đào Thị Trang	28/4/1999	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	18	VC0689	Đặng Thị Huyền Trang	02/9/1990	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		

Handwritten signature/initials

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	05	19	VC0690	Đặng Thu Trang	14/10/2000	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	20	VC0691	Đỗ Thị Thu Trang	19/7/1998	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	05	21	VC0692	Hoàng Huyền Trang	26/9/1994	Nữ	Ninh Bình	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	05	22	VC0693	Kim Thùy Trang	05/5/2002	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	23	VC0694	Lý Trần Phương Trang	24/8/2000	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	05	24	VC0695	Nguyễn Quỳnh Trang	23/6/1999	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán	GV	Toán	THCS Tân Định		
3	05	25	VC0696	Nguyễn Thị Trang	18/7/2002	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	1	VC0697	Nguyễn Thị Trang	30/6/1994	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	06	2	VC0698	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	06	3	VC0699	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/02/1993	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		
3	06	4	VC0700	Nguyễn Thị Thu Trang	25/7/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		MNN
3	06	5	VC0701	Nguyễn Thị Thu Trang	17/3/2002	Nữ	Thùy Xuân Tiên, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	06	6	VC0702	Nguyễn Thu Trang	13/4/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	7	VC0703	Nguyễn Thu Trang	03/9/1997	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	06	8	VC0704	Nguyễn Thu Trang	08/7/2000	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
3	06	9	VC0705	Phạm Thị Thúy Trang	18/10/1995	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	06	10	VC0706	Trần Thị Minh Trang	20/8/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	06	11	VC0707	Trần Thu Trang	17/8/1998	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		
3	06	12	VC0708	Trần Thu Trang	22/01/1996	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Mai Động		
3	06	13	VC0709	Trương Thu Trang	13/01/1998	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	06	14	VC0710	Đỗ Thùy Trinh	01/12/1993	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	15	VC0711	Nguyễn Bảo Uyên	30/5/2001	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	16	VC0712	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/11/2002	Nữ	Kim Thụ, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	06	17	VC0713	Nguyễn Tuấn Việt	03/11/2001	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	06	18	VC0714	Nguyễn Thị Vinh	19/9/1989	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	06	19	VC0715	Hoàng Thanh Xuân	25/8/1998	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	20	VC0716	Nguyễn Quỳnh Xuân	23/9/1992	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Yên Sở		
3	06	21	VC0717	Đoàn Văn Xuyên	12/9/1988	Nam	Nam Định	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	06	22	VC0718	Lê Hải Yến	30/5/1997	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	06	23	VC0719	Nguyễn Thị Yến	29/9/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	24	VC0720	Nguyễn Thị Hải Yến	12/10/1996	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	06	25	VC0721	Vũ Thị Yến	23/3/1993	Nữ	Hà Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Đại Kim		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	07	1	VC0722	Đào Nguyễn Việt Anh	02/9/1998	Nam	Phú Minh, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	07	2	VC0723	Đào Phương Anh	27/3/2002	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	07	3	VC0724	Đặng Thị Lan Anh	17/02/1998	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	07	4	VC0725	Lê Minh Anh	20/9/2001	Nữ	Quang Trung, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		
3	07	5	VC0726	Lưu Quỳnh Anh	16/4/1999	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	07	6	VC0727	Lưu Thị Hải Anh	17/3/1993	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; Văn học Việt Nam	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	07	7	VC0728	Nông Thị Phương Anh	03/7/1999	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim	DTTS	
3	07	8	VC0729	Nguyễn Hải Anh	29/7/2002	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	07	9	VC0730	Nguyễn Thị Ngọc Anh	20/8/1997	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	07	10	VC0731	Nguyễn Thị Tuyết Anh	20/01/2000	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	07	11	VC0732	Nguyễn Thị Vân Anh	27/8/1998	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	07	12	VC0733	Nguyễn Thùy Anh	21/4/2001	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	07	13	VC0734	Phạm Hồng Anh	15/5/2001	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Mai Động		
3	07	14	VC0735	Trần Thị Phương Anh	24/9/1982	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	07	15	VC0736	Hà Thị Bằng	15/7/1991	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	07	16	VC0737	Nguyễn Thị Bích	10/01/2001	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	07	17	VC0738	Nguyễn Thị Minh Bích	20/9/1998	Nữ	Phúc La, Hà Đông	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt	CTB	
3	07	18	VC0739	Dương Bảo Châu	19/7/1999	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	07	19	VC0740	Đào Phương Chi	24/7/1999	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	07	20	VC0741	Đặng Khánh Chi	10/10/2001	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	07	21	VC0742	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	23/9/2002	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	07	22	VC0743	Nguyễn Hoàng Diệp	15/7/2002	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	07	23	VC0744	Ngô Thùy Dung	24/5/2000	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	07	24	VC0745	Chu Thị Duyên	13/11/2001	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	07	25	VC0746	Đỗ Hồng Duyên	06/11/1999	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	08	1	VC0747	Nguyễn Thị Duyên	11/10/2002	Nữ	Kim An, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	08	2	VC0748	Bùi Thùy Dương	10/11/1997	Nữ	Đống Mác, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì		
3	08	3	VC0749	Nguyễn Thùy Dương	27/9/2001	Nữ	Phương Mai, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Định		
3	08	4	VC0750	Doãn Thị Hoàng Giang	08/8/1999	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	08	5	VC0751	Hoàng Thị Hương Giang	28/11/2002	Nữ	Thọ An, Đan Phượng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì		
3	08	6	VC0752	Nguyễn Thị Thu Hà	17/8/1980	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	CD, ĐH	CDSP Văn - Giáo dục công dân; Văn học	GV	Văn	THCS Yên Sở		
3	08	7	VC0753	Nguyễn Thu Hà	20/9/1997	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học nước ngoài	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	08	8	VC0754	Trần Thị Thu Hà	17/01/1989	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	08	9	VC0755	Nguyễn Thị Thanh Hải	08/8/2002	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	08	10	VC0756	Lê Thị Thu Hằng	25/01/2002	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	08	11	VC0757	Nguyễn Hà Minh Hằng	22/6/2002	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	08	12	VC0758	Hà Thị Thu Hiền	06/11/1987	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	08	13	VC0759	Nguyễn Thị Thu Hiền	23/12/1982	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	08	14	VC0760	Phạm Thu Hiền	27/11/2000	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	08	15	VC0761	Trương Thị Hiền	18/10/1984	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Tiếng Anh; Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		MNN
3	08	16	VC0762	Đỗ Minh Hiếu	24/11/2002	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	08	17	VC0763	Nguyễn Ngọc Hoa	26/02/2001	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	08	18	VC0764	Hoàng Thị Hoài	05/10/2001	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì	DTTS	
3	08	19	VC0765	Cao Thanh Huyền	05/12/2000	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	08	20	VC0766	Đặng Thị Thu Huyền	09/10/1992	Nữ	Thương Thanh, Long Biên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		
3	08	21	VC0767	Hoàng Khánh Huyền	22/5/2000	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	08	22	VC0768	Nguyễn Thanh Huyền	22/4/1998	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	08	23	VC0769	Trương Thu Huyền	08/3/2002	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	08	24	VC0770	Đinh Thị Hương	02/7/1997	Nữ	Ninh Bình	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; Văn học Việt Nam	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	08	25	VC0771	Lê Lan Hương	25/10/1998	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì		
3	08	26	VC0772	Nguyễn Lan Hương	14/11/1987	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thịnh Liệt		
3	08	27	VC0773	Nguyễn Thu Hương	01/7/2001	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	08	28	VC0774	Phạm Thị Hương	26/01/1990	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	08	29	VC0775	Trần Thị Hương	16/6/1999	Nữ	Phú La, Hà Đông	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; LLPP dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	08	30	VC0776	Bạch Thị Thu Hương	12/6/1990	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức	ĐH	Ngữ Văn + CCSP	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	08	31	VC0777	Phạm Ngọc Khuê	04/9/2001	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thịnh Liệt		
3	08	32	VC0778	Phùng Thị Lam	11/9/1994	Nữ	Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng	DTTS	
3	08	33	VC0779	Đỗ Thị Lan	02/9/1988	Nữ	Dương Nội, Hà Đông	Ths	Văn học + CCSP	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	08	34	VC0780	Nguyễn Thị Hương Lan	05/11/1998	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; LLPP dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	GV	Văn	THCS Tân Định		
3	08	35	VC0781	Phùng Hải Lan	06/10/1994	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	08	36	VC0782	Phạm Xuân Lâm	13/7/2002	Nam	Giáp Bát, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	08	37	VC0783	Trịnh Thị Liên	03/02/1997	Nữ	Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng	DTTS	
3	08	38	VC0784	Nguyễn Thị Thu Liễu	27/11/1997	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng	DTTS	

10

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	09	1	VC0785	Đoàn Thị Thùy Linh	25/9/1996	Nữ	Liên Phương, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Yên Sở		
3	09	2	VC0786	Đỗ Thị Linh	01/5/1998	Nữ	Hải Dương	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; Văn học; Ngôn ngữ Anh	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		MNN
3	09	3	VC0787	Đỗ Thùy Linh	20/3/2002	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì		
3	09	4	VC0788	Lê Thị Ngọc Linh	14/02/1996	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	09	5	VC0789	Lê Thùy Linh	01/8/2002	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		
3	09	6	VC0790	Lương Hương Linh	26/4/1997	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	09	7	VC0791	Nguyễn Diệu Linh	16/02/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	09	8	VC0792	Nguyễn Tú Linh	21/6/2001	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	09	9	VC0793	Nguyễn Thị Linh	09/5/1994	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Văn học + CCSP	GV	Văn	THCS Mai Động		
3	09	10	VC0794	Nguyễn Thị Khánh Linh	06/10/1997	Nữ	Lê Chi, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	11	VC0795	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/01/2000	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	09	12	VC0796	Trần Thảo Linh	16/10/1999	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Mai Động		
3	09	13	VC0797	Vũ Khánh Linh	24/8/2001	Nữ	Khuông Đình, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	09	14	VC0798	Vũ Mỹ Linh	12/11/1999	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	09	15	VC0799	Vũ Thuý Linh	19/5/1998	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	16	VC0800	Nguyễn Thị Thanh Loan	12/6/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	09	17	VC0801	Đinh Thị Luyến	27/03/1994	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Yên Sở	DTTS	
3	09	18	VC0802	Phạm Thị Luyến	13/3/1991	Nữ	Hải Dương	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	09	19	VC0803	Trần Thị Hương Ly	16/02/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	20	VC0804	Tạ Thị Lý	28/9/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	09	21	VC0805	Nguyễn Quỳnh Mai	03/6/1999	Nữ	Nghệ An	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Yên Sở		
3	09	22	VC0806	Hoàng Thị Minh	07/11/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Yên Sở		
3	09	23	VC0807	Kim Uyên My	08/11/2000	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	09	24	VC0808	Nguyễn Thị Ninh	16/7/1988	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	ĐH	Ngữ Văn, CĐSP Văn - Công tác Đội	GV	Văn	THCS Yên Sở		
3	09	25	VC0809	Phạm Thị Nuôi	03/10/2002	Nữ	Hà Tĩnh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
3	09	26	VC0810	Đặng Phương Nga	04/7/2002	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	09	27	VC0811	Nghiêm Thị Thanh Ngà	08/01/2002	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
3	09	28	VC0812	Phạm Bảo Ngân	22/11/2002	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	29	VC0813	Trịnh Thị Nghĩa	31/5/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
3	09	30	VC0814	Đỗ Thị Ngọc	11/12/1991	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	09	31	VC0815	Lê Thị Bích Ngọc	16/02/2001	Nữ	Lào Cai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Thịnh Liệt		
3	09	32	VC0816	Phùng Thị Anh Ngọc	17/01/1989	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Mai Động		

Handwritten signature/initials

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
3	09	33	VC0817	Trần Bảo Ngọc	27/12/2001	Nữ	Sơn La	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	34	VC0818	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	15/3/1998	Nữ	Phú La, Hà Đông	ĐH, Ths	Sư phạm ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Đại Kim		
3	09	35	VC0819	Hà Thị Nhung	25/4/1999	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
3	09	36	VC0820	Nguyễn Hồng Nhung	29/9/1999	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	37	VC0821	Phạm Thị Hồng Nhung	25/12/1987	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa	ĐH, Ths	Văn học; Lý luận văn học; CĐSP Văn - Sử	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	09	38	VC0822	Lưu Thị Tú Oanh	08/5/1998	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		

Tổng danh sách 274 thí sinh (từ SBD: VC0549 đến VC0822)